TÍN DỤNG XANH TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

PGS.TS. Nguyễn Văn Dần* - PGS.TS. Lưu Ngọc Trịnh**

Tín dụng xanh là một cấu phần quan trọng của tài chính xanh, đóng góp vào chiến lược tăng trưởng xanh của một quốc gia. Tại Việt Nam, hoạt động tín dụng xanh đã được Chính phủ triển khai thực hiện trong hơn 10 năm qua và đã đạt được những thành quả đáng khích lệ trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vướng mắc và thách thức trong quá trình triển khai thực hiện mô hình tăng trưởng mới này. Bài viết khái quát thực trạng phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam cho đến nay và đưa ra một số đề xuất khuyến nghị chính sách góp phần thúc đẩy phát triển tín dụng xanh trong thời gian tới. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, dựa trên các nguồn tư liệu và số liệu thứ cấp của các cơ quan và tổ chức đã công bố, tiến hành phân tích, so sánh, đánh giá và tập trung vào làm rõ nội dung nói trên.

• Từ khóa: *tín dụng xanh, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, Việt Nam.*

Green credit is an important component of green finance, contributing to the green growth strategy of a country. In Vietnam, green credit activities have been implemented by the Government for more than 10 years and have achieved encouraging results in many fields. However, many obstacles and challenges still exist in the process of implementing this new growth model. This article summarizes the current situation of green credit development in Vietnam in recent years and proposes some policy recommendations to help promote green credit development in the upcoming time. In the research process, we used qualitative research methods, based on published sources of documents and secondary data of agencies and organizations, to analyze, compare, evaluate and focus on the mentioned content.

• Key words: *green credit, green growth, sustainable development, Vietnam.*

Ngày nhận bài: 11/8/2025
Ngày gửi phản biện: 23/12/2025
Ngày duyệt đăng: 09/01/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i305.15

1. Đặt vấn đề

Phát triển tín dụng xanh ở Việt Nam đã ghi nhận những tín hiệu đáng khích lệ bước đầu và tăng trưởng hai chữ số kéo dài gần 10 năm và đang có những đóng góp thiết thực vào xanh hóa nền kinh tế. Tuy nhiên, dư nợ lĩnh vực này hiện vẫn hạn chế và tốc độ tăng trưởng đang bắt đầu đuối dần, một phần do nhận thức chung chưa phù hợp về tín dụng xanh, do khung pháp lý chưa hoàn thiện, thiếu hướng dẫn cụ thể về danh mục xanh, dự án xanh, và do một số lý do khác. Làm thế nào để giải quyết được những hạn chế này nhằm thúc đẩy hơn nữa tín dụng xanh trong tương lai là mục đích nghiên cứu của bài viết này.

Với mục đích hướng tới các dự án tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và công nghệ sạch, các sản phẩm tín dụng xanh góp phần đem lại những lợi ích to lớn về phát triển nền kinh tế hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững. Vì vậy, phát triển dòng tín dụng xanh là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

2. Khái niệm và danh mục tín dụng xanh

Tín dụng xanh hình thành như một dòng chảy tài chính hướng về những hoạt động sản xuất, tiêu dùng và đầu tư không gây tổn hại môi trường. Liu và cộng sự (2015) nhấn mạnh rằng loại tín dụng này hướng đến tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, phát triển các dự án năng lượng tái tạo, qua đó góp phần bảo vệ hệ sinh thái và gìn giữ quỹ đạo tăng trưởng kinh tế bền vững.

Tại Việt Nam, Khoản 1 Điều 149 Luật Bảo vệ môi trường (2020) xác định tín dụng xanh là khoản tín dụng cấp cho các dự án sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý chất thải, xử lý ô nhiễm, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, hoặc tạo ra lợi ích môi trường khác. Hiểu một cách khái quát, tín dụng xanh bao gồm các khoản vay và các hình thức cấp tín dụng khác mà ngân hàng cung ứng cho những dự án thân thiện với môi trường nhằm tạo ra giá trị sinh thái và bảo vệ chất lượng sống lâu dài.

Danh mục tín dụng xanh theo Luật Bảo vệ môi trường (2020) gồm bảy nhóm: (i) Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; (ii) Ứng phó biến đổi khí hậu; (iii) Quản lý chất thải; (iv) Xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; (v) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; (vi) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; (vii) Các dự án mang lại lợi ích môi trường khác.

Danh mục này tạo nên khung tham chiếu giúp các tổ chức tín dụng xác định ranh giới xanh trong hoạt động

** Học viện Tài chính; email: nvdhvtc@yahoo.com*
*** Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải (UTT); email: trinhln@utt.edu.vn*

cấp vốn, đồng thời là nền tảng để xây dựng chuẩn mực quản lý rủi ro môi trường - xã hội.

3. Thực trạng phát triển tín dụng xanh

3.1. Thành công trong phát triển tín dụng xanh

Trong vòng bảy năm trở lại đây, tín dụng xanh tại Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ như mầm xanh lớn dậy giữa đất trời công nghiệp hóa. Theo Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (NHNN), giai đoạn 2017-2023 chứng kiến mức tăng trưởng tín dụng xanh bình quân hơn 21,5%/năm. Dư nợ tín dụng xanh tăng từ 71.000 tỷ đồng năm 2015 lên 620.983 tỷ đồng năm 2023, và đạt 704.244 tỷ đồng tính đến 31/3/2025. Tỷ trọng trong tổng dư nợ toàn nền kinh tế cũng tăng từ 1,55% năm 2015 lên 4,4% năm 2023 - một bước tiến đáng kể của ngành ngân hàng trong hành trình dịch chuyển sang tài chính bền vững.

Từ chỗ chỉ có 15 tổ chức tín dụng tham gia vào năm 2017, đến quý I/2025 đã có 58 tổ chức tín dụng triển khai tín dụng xanh - tăng gần bốn lần. Dư nợ của nhóm này chiếm khoảng 4,3% tổng dư nợ nền kinh tế. Dòng vốn tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực năng lượng tái tạo và năng lượng sạch (trên 37%), nông nghiệp xanh (hơn 29%) và quản lý nước bền vững. Công nghiệp xanh và công trình xây dựng xanh chiếm khoảng 25.000 tỷ đồng, tương đương 3,7% dư nợ tín dụng xanh.

Sau gần hai năm thực hiện Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng về phát triển tài chính xanh (từ 2023), hệ thống TCTD đã có chuyển biến rõ rệt:

• 60% TCTD thành lập Ban chỉ đạo xanh, bộ phận ESG hoặc đơn vị phát triển bền vững.

• 71% TCTD đã thực hiện công bố báo cáo phát triển bền vững;

• 5 TCTD triển khai sản phẩm tiền gửi xanh;

• 3 TCTD phát hành thành công trái phiếu xanh;

• 20 TCTD huy động vốn từ quỹ và tổ chức tài chính quốc tế;

• 27 ngân hàng đã xây dựng sản phẩm tín dụng chuyên biệt cho lĩnh vực xanh.

Ngoài ra, 100% TCTD ban hành quy định quản lý rủi ro môi trường theo Thông tư 17/2022/TT-NHNN; 31% đã hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro môi trường - xã hội; hầu hết đều đẩy mạnh chuyển đổi số trong nghiệp vụ ngân hàng.

Song hành cùng xu thế này, nhiều ngân hàng thương mại đã bước lên vai trò dẫn dắt thị trường, chủ động cập nhật tiêu chuẩn quốc tế về tín dụng xanh và rủi ro khí hậu. Những tên tuổi có tỷ trọng tín dụng xanh cao gồm Agribank, BIDV, Sacombank, TPBank, VietinBank, VPBank, Nam A Bank và HDBank. Sự tham gia của họ thể hiện cam kết đồng hành cùng mục tiêu phát triển bền vững và lộ trình giảm phát thải ròng đến năm 2050.

Một số mô hình tiêu biểu

BIDV là ngân hàng ghi dấu ấn rõ nét khi theo đuổi ba trụ cột chiến lược: chuyển đổi quy trình, thực hành ESG và xây dựng hệ sinh thái số. Đến cuối năm 2024, dư nợ tín dụng xanh của BIDV đạt 80.870 tỷ đồng, chiếm hơn 12% dư nợ tín dụng xanh toàn ngành. Ngân hàng đã tài trợ cho gần 2.000 dự án với 1.600 khách hàng; riêng năng lượng tái tạo và năng lượng sạch chiếm gần 60.000 tỷ đồng (74%). BIDV còn phát hành 2.500 tỷ đồng trái phiếu xanh, 3.000 tỷ trái phiếu bền vững và huy động 5.000 tỷ đồng tiền gửi xanh. Mô hình "Ngân hàng xanh" ở các chi nhánh được triển khai nhằm lồng ghép quản lý rủi ro môi trường - xã hội vào hoạt động tín dụng.

Agribank cũng góp mặt mạnh mẽ trong mảng tín dụng xanh, đặc biệt ở lĩnh vực nông nghiệp sạch và năng lượng tái tạo. Ngân hàng triển khai gói 10.000 tỷ đồng cho vay nông nghiệp hữu cơ và năng lượng tái tạo với lãi suất ưu đãi từ 3,5%/năm. Dư nợ xanh tăng từ 0,9% năm 2020 lên 1,8% năm 2023 và duy trì đến quý II/2024. Tổng dư nợ xanh của Agribank đạt 27.816 tỷ đồng, trong đó năng lượng tái tạo chiếm 55%, lâm nghiệp bền vững 24,5% và nông nghiệp xanh 20%.

Ngân hàng Chính sách xã hội lại ghi dấu ấn bằng chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Chương trình cho hộ nghèo vay tối đa 6-12 triệu đồng với lãi suất ưu đãi và thời hạn 5 năm, góp phần cải thiện đáng kể điều kiện sống và vệ sinh môi trường khu vực nông thôn.

HDBank và ACB cũng đưa ra các gói tín dụng xanh khá quy mô: HDBank cung cấp gói 10.000 tỷ đồng cho doanh nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sạch; ACB phân bổ 2.000 tỷ đồng cho các ngành có trong danh mục xanh.

Đánh giá rủi ro môi trường - xã hội

Song song phát triển tín dụng xanh, các TCTD đã tăng cường đánh giá rủi ro môi trường - xã hội đối với hoạt động cấp tín dụng. Tính đến 31/3/2025, 57 TCTD đã thực hiện đánh giá rủi ro đối với tổng dư nợ 3,62 triệu tỷ đồng - tương đương gần 30% tổng dư nợ cho vay của nền kinh tế - tăng 1% so với cuối năm 2024. Số lượng món vay được đánh giá rủi ro môi trường - xã hội đạt gần 1,3 triệu món, gấp 15 lần so với năm 2017.

Con số này cho thấy hoạt động đánh giá rủi ro môi trường - xã hội không chỉ là yêu cầu tuân thủ, mà đã trở thành một phần của quản trị rủi ro ngân hàng, giúp định hướng luồng vốn theo hướng bền vững, tránh các dự án gây hại dài hạn cho môi trường.

3.2. Một số hạn chế và thách thức

Bên cạnh những bước tiến đáng kể, chính sách tín dụng xanh ở Việt Nam vẫn đứng trước nhiều trở lực cần được tháo gỡ để thị trường tài chính xanh có thể lớn lên trọn vẹn và bền vững.

Trước hết, nhận thức về tài chính xanh - đặc biệt là tín dụng xanh - còn hạn hẹp trong cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Không ít doanh nghiệp vẫn chỉ hướng về lợi nhuận trước mắt, bỏ lỡ những cơ hội dài hạn mà các dự án xanh mang lại. Vì thế, dòng vốn tìm đến các dự án xanh vẫn còn mỏng, thị trường tài chính bền vững chưa đủ lực để nâng đỡ những chuyển đổi lớn

mà nền kinh tế đang cần. Khi nhận thức chưa khai mở, sự dè dặt trong đầu tư là điều khó tránh.

Một điểm nghẽn quan trọng khác là thiếu vắng một hệ thống định nghĩa, tiêu chí và danh mục phân loại xanh thống nhất trên toàn quốc. Mỗi ngân hàng thương mại phải tự xoay sở trong việc thẩm định và giám sát dự án, dẫn đến chi phí tuân thủ cao, rủi ro lựa chọn sai lệch và khó bảo đảm tính nhất quán trong báo cáo. Những "đường biên xanh" chưa rõ ràng khiến công tác quản trị tín dụng xanh chưa đạt được tiêu chuẩn quốc tế.

Khung pháp lý cho tín dụng xanh cũng chưa hoàn chỉnh. Mặc dù Việt Nam đã ban hành Chiến lược tăng trưởng xanh và các kế hoạch hành động liên quan, phần nhiều vẫn mang tính định hướng, thiếu các cơ chế thực thi rõ ràng. Không có bộ phân loại xanh quốc gia thống nhất, việc phát hành trái phiếu xanh, xác định dự án xanh hay đánh giá tác động môi trường - xã hội đều gặp trở ngại. Dữ liệu phục vụ đánh giá còn phân tán, thiếu chuẩn hóa, làm giảm tính minh bạch và sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp xanh còn mỏng, chưa đủ sức tạo cú hích để họ mạnh dạn chuyển đổi.

Một thách thức không nhỏ nằm ở sự thiếu hụt nguồn vốn dài hạn. Tín dụng xanh vốn cần những dòng vốn "bền bỉ" bởi các dự án thường có chu kỳ dài, thời gian thu hồi vốn chậm nhưng tác động môi trường lớn. Tuy nhiên, các ngân hàng thương mại trong nước vẫn ưu tiên nguồn vốn ngắn hạn để đảm bảo thanh khoản. Do thiếu công cụ đánh giá tiêu chuẩn và dữ liệu tin cậy, các tổ chức tín dụng còn thận trọng khi giải ngân cho dự án xanh. Khu vực tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, thiếu khả năng tự huy động vốn; còn các dòng vốn quốc tế lại yêu cầu mức độ minh bạch mà chúng ta chưa đáp ứng đầy đủ. Chi phí triển khai tín dụng xanh thường cao hơn, trong khi cơ chế hỗ trợ còn hạn chế, khiến rủi ro tài chính - đặc biệt nguy cơ nợ xấu - hiện hữu trong những dự án chưa tạo ra lợi nhuận kỳ vọng.

Cuối cùng, nguồn nhân lực cho tài chính xanh còn thiếu và yếu. Nhiều ngân hàng, kể cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chưa có đội ngũ am hiểu sâu về thẩm định môi trường - xã hội, quản trị rủi ro xanh hay giám sát dòng vốn theo chuẩn mực quốc tế. Ít ngân hàng có đơn vị chuyên trách về tín dụng xanh; cũng chưa có tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ xác nhận tín dụng xanh trên thị trường. Quy mô nhỏ của nhiều dự án càng khiến chúng khó tiếp cận nguồn vốn lớn trong và ngoài nước.

4. Một số khuyến nghị chính sách

Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới trong Báo cáo Điểm lại Kinh tế Việt Nam (8/2023), nhu cầu tài chính bổ sung để ứng phó biến đổi khí hậu và thực hiện chuyển đổi xanh tại Việt Nam có thể lên tới 701 tỷ USD giai đoạn 2022-2040, tương đương 6,8% GDP mỗi năm. Con số đồ sộ ấy cho thấy hành trình xanh hóa nền kinh tế đòi hỏi sự chung sức của Nhà nước, hệ thống ngân hàng, doanh nghiệp và toàn xã hội. Để hướng tới mục tiêu tăng trưởng tín dụng xanh, bảo đảm mọi tổ chức tín dụng đều tham gia, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp then chốt.

Đối với Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, trước hết, vai trò dẫn dắt của Nhà nước cần được phát huy mạnh mẽ thông qua việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và tạo dựng thị trường tín dụng xanh minh bạch, vận hành hiệu quả. Nguồn chi của ngân sách Nhà nước nên ưu tiên cho các lĩnh vực xanh, đi kèm các ưu đãi về thuế và phí nhằm khuyến khích khu vực tư nhân tham gia mạnh hơn vào kinh tế xanh.

Song song đó, công tác nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan cần được đẩy mạnh. Các chương trình truyền thông cộng đồng, đào tạo chuyên sâu về tài chính xanh, trái phiếu xanh và quản trị rủi ro môi trường sẽ giúp doanh nghiệp, nhà đầu tư và cán bộ ngân hàng làm chủ công cụ mới trong quá trình chuyển đổi.

Một nhiệm vụ trọng tâm khác là hoàn thiện hành lang pháp lý. Việc ban hành Danh mục phân loại xanh thống nhất theo thông lệ quốc tế sẽ tạo nền tảng cho việc xác định, thẩm định và giám sát các dự án xanh. Các tiêu chí về trái phiếu xanh, tín dụng xanh cũng cần được cập nhật phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững. Bên cạnh đó, tăng cường thu hút nguồn vốn quốc tế, mở rộng hợp tác với các định chế tài chính và quỹ đầu tư toàn cầu sẽ bổ sung nguồn lực tài chính và công nghệ cho các dự án xanh trong nước.

Đối với các ngân hàng thương mại, nhiệm vụ quan trọng nhất là kiểm soát rủi ro ngay từ khâu thẩm định. Những dự án tiềm ẩn rủi ro môi trường - xã hội phải được xem xét cẩn trọng, bảo đảm dòng vốn chỉ chảy vào những hoạt động mang lại giá trị bền vững. Đồng thời, hệ thống ngân hàng cần chú trọng đào tạo đội ngũ, tham gia các chương trình trao đổi kinh nghiệm quốc tế để nâng cao năng lực quản lý tín dụng xanh. Công tác truyền thông nội bộ và khách hàng cũng phải được tăng cường, giúp doanh nghiệp tiếp cận thông tin đầy đủ và kịp thời.

Kết luận, tín dụng xanh là mạch nguồn quan trọng trên con đường Việt Nam tiến tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Dù đã đạt nhiều kết quả tích cực, chặng đường phía trước vẫn còn nhiều thử thách. Việc hoàn thiện thể chế, nâng cao nhận thức, tăng cường hợp tác quốc tế và mở rộng nguồn vốn sẽ là những trụ cột giúp tín dụng xanh lớn mạnh, góp phần dẫn dắt nền kinh tế phát triển bền vững và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Tài liệu tham khảo:

Hồng Anh (2023) - Thông tin báo chí nhưng cung cấp dữ liệu ngành ngân hàng, hỗ trợ phần thực trạng.
Trần Thế Anh (2022) - Phân tích tín dụng xanh và đề xuất giải pháp, liên quan trực tiếp.
Chính phủ (2022) - Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Văn bản pháp lý bắt buộc phải giữ.
Nguyệt Hà (2024) - Giải thích nhu cầu vốn, hữu ích cho luận cứ chính sách.
Liu et al. (2015) - Nền tảng lý luận quốc tế về tín dụng xanh, rất cần thiết.
Vũ Lê Minh (2024) - Tài liệu pháp lý và đề xuất hoàn thiện khung tín dụng xanh.
NHNN (2022) - Thông tư 17/2022/TT-NHNN - Nền tảng pháp lý quan trọng.
Dương Thị Hoa Phượng (2024) - Phân tích học thuật, có số liệu và giải pháp.
Nguyễn Thị Cẩm Vân (2025) - Phân tích chính sách tài chính xanh, liên hệ chặt chẽ đến tín dụng xanh.